

Các thiết chế tự quản trong xã hội nông thôn truyền thống của người Khmer Nam Bộ

• **Nguyễn Khắc Cảnh**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Vốn là cư dân nông nghiệp chuyên canh lúa nước, khi đến sinh tụ trên vùng đất Nam Bộ, mà chủ yếu tập trung ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), người Khmer Nam Bộ đã tập hợp nhau lại thành những đơn vị cư trú và tổ chức nó thành những đơn vị xã hội tự quản truyền thống, với hai thiết chế tự quản mang nhiều yếu tố dân chủ công xã là phum và sóc (srok). Thêm nữa, khi đến tụ cư ở vùng Nam Bộ, người Khmer đã mang theo tôn giáo của mình – Phật giáo Theravada (còn gọi là Phật giáo Nam Tông hay Phật giáo Tiểu Thừa) – và tại nơi này Phật giáo của người Khmer Nam Bộ vừa đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân dân, đồng thời là chất men cổ kết để quy tụ mọi thành viên trong cộng đồng. Yếu tố văn hóa tộc người của cư dân nông nghiệp lúa nước được kết hợp với yếu tố văn hóa Phật giáo, không chỉ ảnh hưởng đậm nét vào lối sống, sinh hoạt văn hóa vật chất và tinh thần, mà còn ghi dấu ấn

Từ khóa: thiết chế tự quản, nông thôn, người Khmer Nam Bộ.

Người Khmer Nam Bộ, chủ yếu tập trung ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), vốn là cư dân nông nghiệp chuyên canh lúa nước, thường tập hợp tụ cư trên những giồng đất cao (người Khmer gọi là phnơ) thành những đơn vị cư trú và tổ chức nó thành những đơn vị xã hội mang tính tự quản, với hai thiết chế là phum và sóc (srok). Trước khi nhà Nguyễn thiết lập sự cai

rõ nét trong bộ máy tự quản, làm nên một đặc trưng riêng rất cơ bản và tiêu biểu của xã hội nông thôn truyền thống của người Khmer Nam Bộ, đó là bộ máy tự quản phum, sóc kết hợp chặt chẽ đan xen với bộ máy quản lý nhà chùa để quản lý và điều hành xã hội. Cho đến trước ngày giải phóng 1975, hệ thống quản lý và điều hành phum sóc mang tính chất truyền thống của người Khmer Nam Bộ hầu như không còn nữa. Bộ máy quản lý của nhà nước phong kiến và các chính thể sau này đã thay thế hệ thống quản lý cổ truyền, tuy nhiên dấu ấn và sự ảnh hưởng của nó vẫn còn chi phối không nhỏ tới nhiều mặt trong cuộc sống của người dân Khmer hiện nay.

Trong khuôn khổ bài nghiên cứu này, chúng tôi đi sâu phân tích các thiết chế tự quản truyền thống và tính chất đan xen hỗn hợp giữa các thiết chế đó làm nên đặc trưng rất riêng của tổ chức xã hội Khmer Nam Bộ.

trị của mình ở Nam Bộ (1698), người Khmer Nam Bộ sống biệt lập trong một thời gian dài và không chịu sự chi phối, quản lý hành chính của bất cứ quốc gia nào thời đó [Mạc Đường, 1982, tr. 34-43]. Trong điều kiện sống biệt lập, khi mà sự phân hóa giai cấp trong xã hội diễn ra chưa sâu sắc, tính cộng đồng, dân chủ, bình đẳng giữa những người cùng chung số phận được coi trọng,

đề cao. Vì vậy bộ máy quản lý phum, sóc được tổ chức trên cơ sở tự quản với nhiều yếu tố dân chủ công xã. Thêm nữa, khi đến tụ cư ở vùng Nam Bộ, người Khmer đã mang theo tôn giáo của mình – Phật giáo Theravada (phái Nam Tông hay còn gọi là Phật giáo Tiểu Thừa) – và tại nơi này Phật giáo của người Khmer Nam Bộ vừa đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân dân, đồng thời là chất men cổ kết để quy tụ mọi thành viên trong cộng đồng. Yếu tố văn hóa tộc người của cư dân nông nghiệp lúa nước được kết hợp với yếu tố văn hóa Phật giáo, không chỉ ảnh hưởng đậm nét vào lối sống, sinh hoạt văn hóa vật chất và tinh thần, mà còn ghi dấu ấn rõ nét trong bộ máy tự quản, làm nên một đặc trưng riêng rất cơ bản và tiêu biểu của xã hội nông thôn truyền thống của người Khmer Nam Bộ đó là bộ máy tự quản phum, sóc kết hợp chặt chẽ đan xen với bộ máy quản lý nhà chùa để quản lý và điều hành xã hội.

Cho đến trước ngày miền Nam giải phóng 1975, hệ thống quản lý và điều hành phum sóc mang tính tự quản truyền thống của người Khmer Nam Bộ hầu như không còn nữa. Bộ máy quản lý của nhà nước phong kiến và các chính thể sau này đã thay thế hệ thống quản lý cổ truyền, tuy nhiên dấu ấn và sự ảnh hưởng của nó vẫn còn chi phối không nhỏ tới nhiều mặt trong cuộc sống của người dân Khmer hiện nay. Trong khuôn khổ bài nghiên cứu này, chúng tôi đi sâu phân tích các thiết chế tự quản truyền thống và tính chất đan xen hỗn hợp giữa các thiết chế đó, để làm rõ những đặc trưng rất riêng của tổ chức xã hội nông thôn truyền thống của người Khmer Nam Bộ.

1. CÁC THIẾT CHẾ TỰ QUẢN GẮN VỚI ĐỊA VỰC CƯ TRÚ

1.1 Thiết chế tự quản phum

Trong tiếng Khmer phum có nghĩa là “đất”, “thổ cư” hay là “vườn”. Từ “phum” có nguồn gốc từ tiếng Sanskrit “Bhunitra” có nghĩa là đất của bạn bè một vương tử. Trong ngôn ngữ của các nước chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ nó

được chuyển nghĩa thành “xứ” chỉ nơi cư trú của một nhóm nhỏ cư dân [Nguyễn Khắc Cảnh, 1997, tr.47].

Trên thực tế phum là đơn vị tụ cư của người Khmer, có ít nhất từ một gia đình trở lên, thường là 5 - 7 cũng có khi tới 9 – 10 gia đình, cùng cộng cư trên một khu đất nhất định. Phum có tên gọi riêng, thường là gọi theo tên của người lập ra phum. Thí dụ: phum Tà Hoạt, phum Tà Thu, phum Tà Doanh âm, phum Tà Chau, phum X'ây Vây Thom (phum Bà Thom), phum Tà Sơn Sen,... Ngoài ra, có loại tên gọi của phum liên quan tới vị trí địa lý hay một sự tích nào đó như: Phum Đôn Nay (phum thiêu người chết), phum Chong Pri (phum ngọn rừng), phum Chot Trô Ca (phum hèm cây gạo), phum Sraprók (phum giếng Tiên nam)...

Về cơ cấu: Mỗi phum bao gồm các gia đình nhỏ (gia đình hạt nhân) và, trong một số trường hợp, gia đình lớn (gia đình không phân chia). Các gia đình và các cá nhân thành viên của phum có mối quan hệ huyết thống và quan hệ hôn nhân với nhau. Đó là hai mối quan hệ chủ đạo, tạo nên sự liên kết xã hội giữa các thành viên trong phum, ngoài ra còn có những quan hệ khác như kinh tế, tôn giáo,... Mỗi gia đình có nhà ở riêng, cơ sở kinh tế riêng (đất ruộng, trâu bò, dụng cụ sản xuất...). Tuy vậy các gia đình trong phum đều có trách nhiệm và nghĩa vụ cư mang giúp đỡ tương trợ kinh tế, gắn bó tình cảm với nhau.

Về cơ sở kinh tế: Mỗi phum có đất thổ cư do ông bà khai phá để lại cho con cháu và người chủ sở hữu là Mê phum. Các thành viên trong phum muốn cư trú hay sử dụng các nguồn lợi (cây làm củi, vật liệu làm nhà...) đều phải xin phép và phải được Mê phum đồng ý. Đất thổ cư rộng hẹp khác nhau tùy từng phum. Ngoài đất ở và đất vườn, trong phum còn có những công trình xây dựng chung như giếng nước, chuồng trâu bò, sân phơi... Riêng đất canh tác (ruộng hay rẫy) thuộc quyền sở hữu của các gia đình thành viên của phum. Số đất này, khi có con trai lấy vợ, con gái

lấy chồng các gia đình chia đều cho các con không phân biệt trai, gái.

Các thành viên trong phum có chung một loại ruộng, giống như ruộng hương hỏa của người Việt, gọi là “*đây chon thuk*” (đất chân nhang). Đây là loại ruộng có nguồn gốc là ruộng đất tư của cha mẹ. Khi chia ruộng đất cho các con cái, cha mẹ để lại một ít đất ruộng để sống lúc tuổi già và sau khi cha mẹ qua đời phần ruộng đó được sử dụng là ruộng “*đây chon thuk*”. Nguồn gốc của nó có thể do ảnh hưởng của loại ruộng hương hỏa của người Việt. Có hai cách sử dụng ruộng chân nhang:

- Nếu ruộng chân nhang lớn thì được chia đều cho các con và mỗi người sẽ dùng hoa lợi thu được trên phần ruộng chân nhang đó đóng góp vào việc cúng ông bà và làm phước.

- Nếu mảnh đất chân nhang nhỏ thì được các con luân phiên thay nhau canh tác và hằng năm nộp hoa lợi cho phum. Việc phân chia canh tác ruộng “*chon thuk*” không phân biệt trai, gái, con nuôi, con đẻ, mọi người đều có trách nhiệm và nghĩa vụ như nhau.

Theo tục lệ của người Khmer, ruộng “*chon thuk*” cầm đem đi mua bán, sang nhượng, cầm cố. Ruộng “*chon thuk*” được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác thành tài sản chung của phum.

Về quản lý xã hội: Việc quản lý phum do “*Mê phum*” (Mẹ phum) đảm nhiệm. Ở đây khó tìm ra được một quy tắc nào quy định các tiêu chuẩn để trở thành *Mê phum*. Trên thực tế, *Mê phum* thường là người lớn tuổi, nhưng không phải là già nhất, được thừa hưởng từ sự thừa kế của *Mê phum* trước đó, có tính đến khả năng và tư cách đạo đức. *Mê phum* đảm nhận cả hai chức năng đối nội và đối ngoại của phum.

- Với chức năng đối nội, *Mê phum* là người quản lý công việc nội bộ của phum. Ông là người có quyền cho những người thân thuộc sử dụng đất đai cư ngụ trong phum, đón tre gỗ, lấy củi...

và giải quyết mọi sự xích mích bất hòa giữa các thành viên trong phum. Mỗi khi trong phum có những công việc lớn như ma chay, cưới xin, sinh đẻ, làm nhà mới,... *Mê phum* đứng ra tổ chức lo công việc theo phương thức tự quản. Để điều hành công việc, ông bàn bạc với các hộ gia đình đóng góp tiền bạc, lúa gạo, công sức và vật liệu phụ giúp gia đình có việc lớn. Hằng năm *Mê phum* còn có trách nhiệm đôn đốc các gia đình thành viên đưa những con, cháu đã đến tuổi vào tu học ở các chùa để họ trưởng thành về mặt nhân cách. *Mê phum* còn là người đứng ra tổ chức các nghi thức tín ngưỡng tôn giáo có liên quan đến dòng họ như “*chol Arāk phum*” (cúng thần dòng họ của phum) hoặc “*Neak tà phum*” (lễ cúng thần bảo hộ phum), tổ chức lễ cúng tổ tiên trong ngày lễ Đôn ta, lo nhang đèn mỗi chiều tối để cầu mong *Arāk phum* mang lại những điều lành, xua đuổi những điều xấu xảy ra trong phum. Những hoạt động này của *Mê phum* đã tạo ra sự gắn kết của các thành viên trong phum, thông qua sự cộng cảm về mặt tín ngưỡng và tôn giáo, ngoài mối cộng cảm huyết thống.

- Trong chức năng đối ngoại, *Mê phum* là người đại diện cho cộng đồng phum để giao tiếp với các phum khác, với tổ chức nhà chùa và tổ chức chính quyền xã ấp. *Mê phum*, trong một số trường hợp, còn tham gia vào ban quản trị chùa hay người đứng đầu các *wel* (tổ chức của tín đồ Phật giáo theo địa vực) để truyền đạt lại ý kiến, công việc của nhà chùa đến các thành viên trong phum khi có Phật sự (tổ chức lễ hội, dâng cúng tiền bạc, đóng góp xây dựng chùa và làm phước cho chùa). Ông đứng ra tổ chức quyên góp tiền bạc, lương thực của các thành viên trong phum dâng hiến cho chùa, đôn đốc các thành viên tham gia công ích như làm đường, vệ sinh phum, sóc, làm các công trình công cộng. Ông cũng là người thay mặt phum tiếp xúc với chính quyền ấp, xã, đề đạt ý kiến nhằm giải quyết những gia sự trong phum. Và tổ chức chính quyền ấp, xã địa phương, khi giải quyết những vấn đề dân sự liên

quan tới các thành viên trong phum cũng thường hỏi ý kiến hay thông qua Mê phum.

1.2. Thiết chế tự quản sóc (srok)

Trong tiếng Khmer ý nghĩa của từ sóc rất khác nhau. Theo nghĩa rộng sóc có nghĩa là “xứ”, “vùng “ (Srok thleng: vùng kho, vùng hậu cứ về sau được Việt hóa thành Sóc Trăng; Neak ta Méchar srók: ông tà chủ xứ), là “địa phương” (Neak srók: người địa phương), là “quê hương”(Rô lúc srók: nhớ quê hương). Sóc còn có nghĩa là “vùng quê”, “miệt vườn” để phân biệt với vùng đô thị (Srok srê: vùng quê miệt vườn). Ở người Khmer Căm-pu-chia, sóc là đơn vị hành chính tương đương cấp huyện, nhưng ở người Khmer Nam Bộ, sóc chỉ một đơn vị cư trú đồng thời là một thiết chế xã hội tự quản truyền thống. Nó tương tự như làng của người Việt, hoặc “buôn”, “plei” của một số dân tộc ở Trường Sơn - Tây Nguyên.

Các sóc cổ thường cư trú trên đất giồng (người Khmer gọi là phno), giữa các sóc có quy định ranh giới theo quy ước của dân các sóc với nhau. Thông thường sóc được xác định tương đối rõ qua ngôi chùa, thường mỗi sóc có một ngôi chùa (sóc có 2 chùa hay 2 sóc sinh hoạt chung một chùa rất hiếm). Tên gọi của sóc thường trùng với tên giồng, nếu một giồng có nhiều sóc thì tên sóc sẽ được gọi theo vị trí phương hướng của sóc. Ví dụ, sóc “*Kan đal*” (sóc giữa), sóc “*Talêch*” (sóc đông), sóc “*Chông Phno*” (sóc của giồng)... Có khi tên sóc lại được gọi theo đặc điểm tự nhiên như sóc “*Chông Clak*” (sóc Dừa nước), sóc “*Xăng Ke*” (sóc Trâm bầu), sóc “*Kôsa la*” (sóc Cây cau), sóc “*Xoài Srum*” (sóc Cây xoài sai quả)..vv. Trong nhiều trường hợp sóc lại được gọi theo một sự tích gắn liền với cư dân địa phương như sóc “*Sra Srei*” (sóc Giếng tiên nam), sóc “*Sra P'rok*” (sóc Giếng tiên nữ), sóc “*Pen Săm Prekh*” (sóc Lu đồng đen), sóc “*Khách*”(sóc Vừng voi nằm), sóc “*Sâm đạch*”(sóc Vua)..vv. Ngoài ra ở nhiều nơi chúng ta còn thường gặp những tên sóc như sóc

“*Thmei*” (sóc mới), sóc “*Sre*”(sóc ruộng) đó là những sóc mới lập sau này hoặc những sóc tách ra và tụ cư ngay ở trên ruộng (để phân biệt với sóc nằm ở trên giồng).

Việc quản lý xã hội truyền thống của sóc Khmer theo một cơ chế khá đặc biệt, bao gồm quyền lực cộng đồng và vai trò của tổ chức Phật giáo Tiểu thừa. Bộ máy điều hành của sóc ngày nay dấu vết của nó còn lưu lại qua khái niệm “Mê srók” (mẹ sóc) tức là người đứng đầu sóc mà người Việt gọi là chủ làng. Giúp việc cho Mê sóc là một “Ká ma” (Ban quản trị sóc) do dân trong sóc lựa chọn bầu ra. Các thành viên của ban này đảm nhận những công việc cụ thể của sóc, như gìn giữ an ninh trật tự, phân phối nước làm mùa, tổ chức thực hiện các nghi lễ trong việc hôn nhân, tang tế...

Mê sóc thường là người đàn ông đứng tuổi, am hiểu phong tục tập quán dân tộc, biết chữ và có kinh nghiệm trong ứng xử, có khả năng quan hệ ngoại giao với bên ngoài, nhưng trước hết phải là người có uy tín trong nhân dân, được nhân dân kính trọng, vị nể và được sự tín nhiệm của các con sóc (dân trong sóc) bầu chọn. Thường Mê sóc xuất thân từ những Acha là người đã qua thời gian tu hành tại chùa và có học vấn nhất định, họ là những trí thức của xã hội nông thôn Khmer (Acha có thể là thầy giáo, thầy thuốc). Với tính chất của một tổ chức xã hội tự quản, Mê sóc và Ban quản trị sóc có những chức năng sau đây :

- Trông coi điều hành các công việc chung thuộc nội bộ của sóc; gìn giữ an ninh trật tự trong sóc; giải quyết các xung đột, tranh chấp giữa các phum hay giữa các gia đình.

- Trông coi quản lý những tài sản chung của sóc như chùa chiền, miếu thờ neak, nhà thiêu xác, giếng nước, nhà nghỉ mát... Quản lý việc sử dụng những phần đất công của sóc như đất hoang hóa, bãi bồi, các khu rừng tạp...

- Ghi nhận quyền sở hữu đất ruộng, vườn của các gia đình trong sóc. Xem xét và thông qua cộng đồng để cho phép những người ngoài định cư hoặc quyết định sự phân chia sóc mới.

- Chăm sóc giúp đỡ các gia đình thành viên của sóc khi họ gặp khó khăn, khi có gia sự cưới xin, ma chay... các trẻ em mồ côi, người già, người tàn tật.

- Tổ chức các công việc hữu ích xã hội chung như vệ sinh sóc, làm đường, tu sửa những công trình công cộng...vv.

- Duy trì mối quan hệ thường xuyên giữa nhà chùa với các thành viên trong sóc. Mê sóc và Ban quản trị chùa gặp gỡ, bàn bạc với vị Sư cả (Luk gru), Ban quản trị chùa và ông chủ chùa (*Nhôm wat*) về những công việc có liên quan đến hoạt động của nhà chùa cũng như các nghĩa vụ tôn giáo của các tín đồ trong sóc. Các Mê phum, Mê sóc tham gia các buổi lễ cúng tổ chức trong chùa, các buổi làm phước của dân trong sóc cúng hiến lễ vật cho nhà chùa.

- Thực hiện các công việc đối ngoại, Mê sóc cùng Ban quản trị sóc chịu trách nhiệm xem xét và giải quyết những tranh chấp về phạm vi lãnh thổ quản lý của sóc mình với sóc khác; quan hệ với các sóc lân cận trong việc tổ chức các lễ hội truyền thống dân tộc, mang tính cộng đồng như đua ghe Ngo, hát Dù Kê...vv.

Cơ chế quản lý truyền thống sóc vận hành dựa trên các phong tục tập quán của người Khmer, Mê sóc và Ban quản trị sóc hoàn toàn không có ý nghĩa của bộ máy cai trị hành chính có đặc quyền, đặc lợi, các ông là những người được sự uỷ nhiệm của cộng đồng đứng ra điều hành công việc chung của sóc. Cộng đồng sóc thông qua dư luận để điều chỉnh sự vận hành, trong đó phong tục tập quán Khmer như một định chế để định hướng cho sự vận hành ấy. Mê sóc, trong một chừng mực nào đó, quyết định và xử lý các công việc của sóc nhằm duy trì cho mối quan hệ giữa cộng đồng sóc và các thành viên trong sóc được

thuận lợi nhất. Thực chất cơ chế quản lý sóc Khmer mang tính tự quản, dư luận của cộng đồng luôn luôn đóng vai trò hiệu chỉnh sự hoạt động của sóc. Cơ chế đó nhằm đảm bảo cho quyền lực ý chí và nguyện vọng của cộng đồng được thực thi một cách tối ưu.

2. THIẾT CHẾ TỰ QUẢN GẮN VỚI SINH HOẠT TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG

Phật giáo Theravada (phái Nam Tông hay còn gọi là Phật giáo Tiểu Thừa) chi phối rất sâu sắc đời sống người Khmer Nam Bộ. Mọi người Khmer, dù tu ở chùa hay tại nhà, đều tự coi mình là Phật tử. Khi còn tại gia, người con trai với bổn phận làm con phải vâng lời cha mẹ, nhưng chỉ sau lễ “quy y” mặc vào tấm áo cà sa, người con trai thành vị sư và ngay lập tức vị trí xã hội được thay đổi. Bố mẹ gặp con lúc này phải quỳ lạy sùng kính vì đó là một trong tam bảo (Phật – Pháp – Tăng). Có thể nói, những hành động tôn giáo lưu truyền quen thuộc qua các thế hệ của người Khmer đã thành nếp sống, thành quy cách ứng xử mà mỗi thành viên của phum, sóc mặc nhiên phải tuân theo.

2.1 Bộ máy quản lý chùa

Mỗi người Khmer Nam Bộ vừa là thành viên của sóc (con sóc), vừa là một tín đồ của Phật giáo. Bên cạnh sự quản lý của bộ máy tự quản phum, sóc họ còn chịu sự quản lý của hệ thống tổ chức nhà chùa.

Đứng đầu mỗi chùa có một vị Sư cả (*luc Krou*). Sư cả là người trụ trì ngôi chùa, vị lãnh đạo tôn giáo cao nhất của một hoặc vài sóc. Sư cả thường là người cao tuổi đã qua nhiều lớp đào tạo, am hiểu giáo lý, thuộc kinh kệ, giỏi chữ Phạn và hiểu biết sâu sắc văn hóa truyền thống của người Khmer, đồng thời là người tình nguyện chọn đời tu hành. Trước đây Sư cả còn được tu học ở các trường Phật học ở Căm-pu-chia hoặc Thái Lan có bằng cấp hẳn hoi về trụ trì các chùa. Sư cả là người rất có uy tín, có vị thế đặc biệt hơn cả Mê sóc và được dân trong sóc hết mực

kính trọng. Trong tâm thức của người Khmer, Sư cả được coi là người đại diện cho đức Phật, những lời giáo huấn của ông được nhân dân tôn trọng và thực thi một cách nghiêm túc.

Ngoài Sư cả, trong chùa còn có một hoặc hai Sư phó. Họ là người trợ lý giúp việc cho Sư cả, chịu trách nhiệm coi sóc mọi việc trong chùa và việc ngoài đời có liên quan đến chùa, duy trì kỷ luật tu hành trong chùa.

Giới chức thứ ba trong chùa là các Tỳ kheo, những người tu hành từ 20 tuổi trở lên. Tỳ kheo có nhiều nhiệm vụ như đi khất thực, đi giảng kinh, đi làm các cuộc lễ riêng cho các gia đình, cá nhân ở trong chùa hay xa chùa.

Cuối cùng là tầng lớp Sa di, thường từ 10 tuổi trở lên, được cha mẹ cho vào chùa tu và học chữ, học làm người. Các Sa di tu đến năm 20 tuổi thì tùy từng người, tiếp tục ở lại tu sang bậc Tỳ kheo hoặc hoàn tục về nhà làm ăn bình thường.

Trong xã hội nông thôn Khmer Nam Bộ tầng lớp sư sãi có vị trí đặc biệt. Họ được coi là những bậc thức giả, là linh hồn và niềm tự hào của phum, sóc. Lời của các sư sãi được coi là biểu hiện lời dạy của đức Phật, được mọi người quý trọng và tuân thủ. Vì vậy, trong xã hội của người Khmer Nam Bộ, tầng lớp sư sãi (những vị chức sắc) là người nắm thực quyền điều hành xã hội, mặc dù trên danh nghĩa họ không phải trực tiếp quản lý mà thông qua bộ máy Ban quản trị chùa. Các vị chức sắc như Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Mê kôn, Sư cả, Sư phó... được nhân dân kính trọng không phải đơn thuần chỉ vì uy quyền tôn giáo mà giữa họ và nhân dân có sự gắn bó mật thiết hơn nhiều. Sư sãi Khmer không xa lánh hoàn toàn với cuộc đời, thế sự, họ vừa chăm lo đời sống tâm linh của Phật tử, vừa chăm sóc giúp đỡ Phật tử trong cuộc sống hàng ngày. Khi có sự xích mích, kiện tụng xảy ra giữa các gia đình, sư sãi đứng ra phân xử, hòa giải; Thường những cuộc tranh chấp, bất hòa giữa các đình Khmer trong sóc đều được Sư cả và các vị sư sãi đứng ra giải quyết êm đẹp. Trong không gian

trầm mặc, tôn nghiêm của nhà chùa, người dân đến đây với lòng sùng kính, nên tạo không khí thuận lợi cho việc hòa giải. Mặt khác, Sư cả thường vận dụng những giáo lý Phật giáo về lòng vị tha, thương người, sống cần làm phước để mong cuộc đời tốt đẹp mai sau..., nên thường dễ dàng thuyết phục được các bên tranh chấp. Khi ốm đau, bệnh tật hay gặp thiên tai, hoạn nạn; lúc gia đình có công to việc lớn như đám cưới, đám ma, dựng nhà,... mọi niềm vui, nỗi buồn của cá nhân hay gia đình người dân trong sóc trước hết đều tìm đến các vị sư để được an ủi trao đổi ý kiến và để được các vị sư tụng kinh chúc phước. Các vị sư sãi, với triết lý sống làm phước, đã đến với dân chúng trong lúc họ gặp khó khăn nhất mà không cần bất cứ điều kiện nào càng làm tăng thêm lòng kính trọng, tin yêu của dân chúng.

Theo phong tục truyền thống, người con trai Khmer đến năm 10 hay 12 tuổi phải vào chùa tu học một thời gian, ngắn dài tùy theo hoàn cảnh và nguyện vọng của từng người, để học chữ, học làm người có phẩm chất và đạo đức. Trước kia, ngoài nhà chùa ở đồng bào Khmer Nam Bộ không có hệ thống trường dạy học nào khác, ngôi chùa chính là trường học và các nhà sư làm chức năng giáo dục của người thầy giáo. Ngoài ra, hằng năm, trong mỗi dịp lễ hội, ngôi chùa cũng là nơi tổ chức các hình thức sinh hoạt vui chơi, giải trí, biểu diễn văn nghệ của quần chúng. Chùa còn là hệ thống thiết chế văn hóa của cộng đồng. Ngôi chùa là thư viện – nơi tàng trữ các bộ sách cổ và sách Phật, là bảo tàng mỹ thuật và lịch sử – nơi duy nhất trưng bày các công trình, tác phẩm mỹ thuật của các nghệ nhân dân gian Khmer, là trường học chữ, là nơi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ của cộng đồng...

Trong mỗi chùa, cùng với Sư cả, Sư phó và các sư sãi chuyên lo các việc tôn giáo, còn có tổ chức của tín đồ là Ban quản trị chùa (*Knā kō ma ca wat*). Chức năng của Ban quản trị chùa là nhằm điều phối mối quan hệ giữa nhà chùa với các thành viên của sóc. Ban quản trị chùa thường

có tới 9, 10 người, trong đó vị chủ chùa (*Nhôm wat*) thường là người khá giả ở địa phương và thông thường trong buổi đầu thành lập sóc những người đầu tiên đứng ra lập chùa đều trở thành “*Nhôm wat*”, thầy phụ trách nghi lễ (*Acha wat*) và một số vị khác phụ trách về tài chánh, Phật sự. Họ là những người sùng đạo, biết cách tổ chức các nghi lễ, đồng thời am hiểu phong tục tập quán của dân tộc Khmer. Ban quản trị chùa, sau khi hỏi ý kiến và bàn bạc với Sư cả, Sư phó, thay mặt nhà chùa đứng ra quyết định và giải quyết mọi công việc liên quan tới hoạt động tôn giáo. Họ là người hoạch định chương trình và đứng ra tổ chức các buổi lễ, định địa tô cho chùa, giải quyết những vấn đề Phật sự, sửa sang, trùng tu chùa, tìm kiếm những ngân khoản chi tiêu cho nhà chùa.

2.2. Wel- thiết chế tự quản của tín đồ Phật giáo Khmer

Trong các sóc Khmer Nam Bộ còn tồn tại một tổ chức tín đồ Phật giáo khác gọi là các “*wel*” hay “*wiêl*”. Wel là tập hợp một số lượng gia đình Phật tử nhất định, phân định theo khu vực địa lý và nguyện vọng (giống như các tổ, đội trong các hợp tác xã nông nghiệp của người Việt), để thực hành những công việc nhà chùa và cả công việc xã hội. Mỗi chùa tùy theo quy mô số lượng dân sóc mà có nhiều hay ít wel (thí dụ ở xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh có 3 chùa Khmer, trong đó chùa Ô Dừng có 13 wel, chùa Tân Đại có 6 wel, chùa Ô Chao có 7 wel). Ngoài khu vực địa lý và nguyện vọng, cách định các wel còn chú ý tới tiềm lực giàu nghèo của các gia đình Phật tử, để không tập trung nhiều gia đình giàu có vào một wel và ngược lại.

Đứng đầu mỗi wel có một Mê wel là người giúp việc cho Ban quản trị chùa (trong nhiều trường hợp các Mê wel đồng thời là thành viên trong Ban quản trị của chùa). Mê wel là người có đạo đức, trung thực thẳng thắn, có hiểu biết kinh kệ và là thành viên của những gia đình có uy tín, được dân trong wel bình chọn và được Ban quản

trị chùa đề nghị với Sư cả công nhận. Như vậy, wel là những đơn vị tín đồ thuộc một chùa nhất định, được tổ chức nhằm:

- Để nhà chùa tổ chức việc quyên góp, nhận cơm nước hằng ngày của con sóc cúng dường. Vào một ngày nhất định trong tháng các con sóc trong wel từ sáng sớm chuẩn bị cơm, thức ăn để dâng cúng cho nhà chùa. Nhà chùa sẽ cử một số sư (các Tỳ kheo) cùng với trẻ em giúp việc mang theo các đồ đựng đến từng nhà trong wel nhận cơm nước và thức ăn của con sóc, mang về chùa cho các sư sai dùng trước 12g. Nhà chùa mỗi ngày chỉ đi nhận cơm ở 1 wel, cứ lần lượt như vậy cho tới khi giáp vòng trở lại.

- Các wel cũng là những đơn vị thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ công việc nhà chùa. Mỗi khi có việc tu sửa, xây dựng chùa hay tổ chức các Phật sự khác, Ban quản trị chùa, sau khi thống nhất với Sư cả, Sư phó thì phân bổ công việc và sự đóng góp về các wel. Mê wel có nhiệm vụ phổ biến, tuyên truyền động viên, khuyến khích các con sóc trong wel tham gia đóng góp công sức hay cúng dường cho nhà chùa, Phật sự.

- Wel cũng là đơn vị thực hiện các việc công ích xã hội chung của phum sóc, theo sự phân bổ của Ban quản trị sóc, như tham gia vệ sinh, làm đường sá, lao động công ích trong sóc hay tham gia đóng góp công sức, tiền của trong các dịp lễ tết truyền thống dân tộc và Phật giáo. Trên thực tế wel là khâu nối giữa nhà chùa và sóc, góp phần vào công việc chung của sóc.

- Wel là tổ chức Phật tử nhưng trên thực tế cũng là tổ chức cơ bản của xã hội Khmer Nam Bộ. Các gia đình trong wel cũng có ý thức cộng đồng của wel trong việc chia sẻ những khó khăn và giúp đỡ nhau khi hoạn nạn. Mọi gia sự, vui hay buồn của một gia đình trước hết là những người trong cùng một wel đến góp vui hay thăm hỏi chia sẻ buồn đau.

Như vậy, về mặt giáo lý, nhà chùa và các vị sư sai chỉ chăm lo việc tu hành thờ phượng và đời

sống tâm linh cho nhân dân trong sóc, không tham dự vào việc thế tục. Nhưng trên thực tế, vùng nông thôn Khmer Nam Bộ, tầng lớp sư sãi (những vị chức sắc) là người nắm thực quyền điều hành xã hội, mặc dù trên danh nghĩa họ không phải trực tiếp quản lý mà thông qua bộ máy Ban quản trị chùa. Đặc biệt hơn, Phật giáo Khmer Nam Bộ với sự hiện hữu của ngôi chùa trong mỗi sóc còn như là một “thành trì” bảo vệ, che chở cho người Khmer, trước những biến động của thời cuộc và lịch sử. Trước sự xâm nhập và tác động chi phối lớn lao từ mọi phía bên ngoài, người Khmer dựa vào Phật giáo, co cụm vào chùa để tự bảo vệ mình. Ngôi chùa như một “thành trì” để người Khmer chống lại sự o ép từ bên ngoài và giữ gìn những gì vốn có của dân tộc. Nhiều yếu tố văn hóa Khmer được cất giữ và nuôi dưỡng tại chùa. Khi thiết chế quản lý nhà nước phong kiến thay thế các thiết chế tự quản truyền thống phum, sóc thì bộ máy tự quản truyền thống đã rút lui vào chùa và chính ở đây với chức năng của Ban quản trị chùa, nó lại tiếp tục thực hiện vai trò quản lý và điều hành đời sống xã hội của cộng đồng phum, sóc.

3. KẾT LUẬN

Tóm lại, tổ chức xã hội nông thôn truyền thống của người Khmer Nam Bộ được vận hành dựa theo những tập tục văn hóa của một cư dân nông nghiệp lúa nước, đồng thời dựa trên những định chế của Phật giáo Nam tông. Sự đan xen hỗn hợp giữa thiết chế xã hội tự quản truyền thống với tôn giáo đã tạo cho vùng nông thôn Khmer một đặc tính xã hội riêng, khác với các tộc người khác cùng cư trú trong vùng. *Đó là sự kết hợp đan xen giữa tổ chức tự quản của cộng đồng phum sóc với sự tham dự của bộ máy quản lý chùa Phật giáo trong cơ chế quản lý xã hội truyền thống phum sóc Khmer Nam Bộ.* Mối quan hệ giữa hai yếu tố trên đây nhằm duy trì sự ổn định và tồn tại của phum sóc và tạo cho phum sóc Khmer một diện mạo riêng biệt. Trong cơ

chế kết hợp đó, người Khmer cảm thấy dễ chịu, bình yên và luôn cảm thấy mình là chủ nhân của phum sóc. Họ có ý thức trách nhiệm tự giác rất cao trong việc bảo vệ, xây dựng phum sóc của mình và luôn cảm thấy gắn bó, vinh dự mình là một cá nhân, một thành viên của cộng đồng phum, sóc.

Khi chính quyền phong kiến nhà Nguyễn ở phần đất phía nam nước ta vươn tới quản lý vùng Nam Bộ. Một bộ máy quản lý hành chính của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn được hình thành ở vùng Khmer bao trùm lên bộ máy tự quản truyền thống ở các phum sóc. Bộ máy tự quản của phum sóc dần dần bị mất đi và được thay thế dần bằng bộ máy chính quyền của nhà nước. Các mê sóc bị thay thế bởi các hương cá, hương chủ, hương thôn là những chức sắc của chính quyền làng, xã phong kiến, theo mô hình của làng Việt. Mặc dù bộ máy quản lý của chính quyền phong kiến, thực dân có ảnh hưởng rất lớn, thay thế bộ máy tự quản trước kia, nhưng do sức sống của nó trong xã hội Khmer truyền thống, các chức năng đối nội của các thiết chế tự quản về nhiều mặt được chuyển sang bộ máy quản lý chùa. Bộ máy quản lý này, tuy về danh nghĩa không được nhà nước công nhận, nhưng trên thực tế nó lại đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc tổ chức quản lý cộng đồng. Mặt khác, khi vai trò nhà nước càng ngày càng cần có sự ảnh hưởng sâu rộng đến cư dân thì chính quyền thực dân phong kiến cũng muốn sử dụng các sư sãi có uy tín để phục vụ cho mục đích chính trị của mình. Và vì thế, sức sống của bộ máy quản lý nhà chùa vẫn được duy trì và phát triển. Ban quản trị chùa và các wel với tư cách là đơn vị tổ chức của tín đồ được củng cố, vừa chăm lo phật sự, vừa chăm lo tất cả sinh hoạt văn hóa – xã hội khác. Ngôi chùa trở thành trung tâm sinh hoạt văn hóa – xã hội của cộng đồng người Khmer trước kia cũng như hiện nay.

Autonomous institutions in the Southern Khmer's traditional rural society

• **Nguyen Khac Canh**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

Inherently as the inhabitants of agricultural practices specializing in water rice cultivation, the Southern Khmer, once settling down on the Southern land and primarily gathering in the Mekong Delta, grouped themselves into units of residency, later organized into traditional autonomous societal units with two institutions of autonomy which bore such communal democracy values as phum and srok. In addition, when settling down on the Southern land, the Khmer people brought with them their religion – Theravada, and on this land, Buddhism of the Southern Khmer could both meet the spiritual need of the mass and be the consolidating catalyst to gather up community members. The elements of ethnic culture of the water rice inhabitants combined with those of Buddhist culture not only exerted great influence on their living style, on their material and mental culture, but also deeply engraved themselves in their autonomous mechanism, creating a particular feature of fundamental and typical

nature belonging to the Southern Khmer's traditional rural society. That is the autonomous mechanism of phum and srok which is closely related to and intertwined with the management system of pagodas in order to efficiently manage and regulate the society.

Until the 1975 Liberation, phum and srok management and regulating system bearing traditional features of the Southern Khmer had ceased to exist. Although the management system of feudal government and of later governmental regimes already replaced the traditional management system, their imprint and influence still impose deep impacts on various aspects of the Khmer people's current lives.

In the framework of this research, the paper focuses on analyzing the traditional autonomous institutions and on how the mixed intertwining nature of these institutions made up special features of the Southern Khmer's societal organization.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phan An, Phum, sóc Khmer trong cơ chế quản lý xã hội vùng dân tộc Khmer Nam bộ, trong: *Những vấn đề xã hội ở Miền Nam*. Viện KHXH tại Tp.HCM, Nxb KHXH, Hà Nội, (1992).
- [2]. Phan An, Cơ chế quản lý xã hội truyền thống phum, sóc của người Khmer Nam Bộ, trong: *Làng xã ở Châu Á và ở Việt Nam*, Viện KHXH tại TP. HCM, Nxb Tp.HCM, TP. HCM, (1995).
- [3]. Nguyễn Khắc Cảnh, *Các loại hình công xã của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, Luận án tiến sĩ, Trường ĐHKHXH-NV - ĐHQG TP.HCM, (1997).
- [4]. Nguyễn Khắc Cảnh, *Phum, sóc của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, (1998).
- [5]. Mạc Đường, Quá trình phát triển dân cư và dân tộc ở ĐBSCL từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX”, *Tạp chí NCLS*, Số 3, trang 34, (1982).
- [6]. Mạc Đường, Vấn đề dân cư và dân tộc ở ĐBSCL vào những năm đầu thế kỷ XX, *Tạp chí NCLS*, Số 4, trang 35, 51, (1982).
- [7]. Đặng Thị Kim Oanh, *Hôn nhân và gia đình của người Khmer ở ĐBSCL*, Luận án tiến sĩ, Trường ĐHKHXH-NV - ĐHQG TP.HCM, (2007).
- [8]. Nguyễn Văn Tiệp, Quá trình du nhập và ảnh hưởng của Phật giáo Tiểu Thừa đến sinh hoạt tôn giáo, văn hóa – xã hội của người Khmer ở ĐBSCL, *Thông Báo Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Vinh, trang 37, (1993).